

BỘ LÂM NGHIỆP-BỘ TÀI
CHÍNH-UỶ BAN KẾ
HOẠCH NHÀ NƯỚC
Số: 1-TTTLT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 1984

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - LÂM NGHIỆP - UỶ BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC SỐ 1-TTTLT NGÀY 18-1-1984 HƯỚNG
DẪN MỘT SỐ ĐIỂM VỀ VIỆC
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN NUÔI RỪNG.

Thi hành Nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương, liên Bộ Tài chính - Lâm nghiệp - Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn một số điểm cụ thể về việc quản lý và sử dụng tiền nuôi rừng như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Các tổ chức kinh tế quốc doanh, cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, kinh tế tập thể và nhân dân được phép khai thác lâm sản, đặc sản rừng (bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng) đều phải nộp tiền nuôi rừng. Tiền nuôi rừng là một bộ phận thu chi của ngân sách Nhà nước, dùng vào việc bảo vệ và phát triển vốn rừng.

Tiền nuôi rừng bao gồm tiền thu vào các loại lâm sản, đặc sản lấy từ rừng (rừng tự nhiên và rừng trồng), tiền thu được do việc xử lý các vụ vi phạm về lâm nghiệp.

Tiền nuôi rừng thuộc tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) do Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, sử dụng vào mục đích trồng, chăm sóc, tu bổ, cải tạo, quản lý, bảo vệ rừng và trợ cấp nhân dân trồng cây theo quy hoạch, kế hoạch và cơ cấu cây trồng đã được Nhà nước duyệt. Không sử dụng tiền nuôi rừng vào việc khác.

II. QUẢN LÝ THU, CHI TIỀN NUÔI RỪNG

A. THU TIỀN NUÔI RỪNG:

1. Kiểm lâm nhân dân là lực lượng chuyên trách quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra việc thực hiện quy trình kỹ thuật khai thác; kiểm tra sản phẩm đã khai thác của tất cả các đối tượng khai thác lâm sản, đặc sản rừng.

2. Lực lượng kiểm lâm nhân dân có nhiệm vụ trực tiếp thu tiền nuôi rừng của các tổ chức kinh tế quốc doanh (ngoài lâm trường quốc doanh), cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang, kinh tế tập thể và nhân dân được phép khai thác lâm sản, đặc sản rừng.

3. Các lâm trường quốc doanh địa phương khai thác lâm sản, đặc sản rừng thuộc tỉnh nào, nộp tiền nuôi rừng cho tỉnh đó.

Các liên hiệp lâm công nghiệp, các lâm trường quốc doanh Trung ương, các tổ chức lâm nghiệp địa phương thuộc vùng nguyên liệu giấy sợi và gỗ trụ mỏ (được ngân sách Trung ương đầu tư vốn) nộp tiền nuôi rừng vào ngân sách Trung ương. Ngân sách địa phương được hưởng tỷ lệ điều tiết bằng 10% (mười phần trăm) số thu thực tế tiền nuôi rừng.

4. Các tổ chức kinh tế quốc doanh (ngoài lâm trường quốc doanh), các cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang, kinh tế tập thể và nhân dân phải nộp tiền nuôi rừng ngay từ khi nhận giấy phép và thanh toán theo khối lượng lâm sản thực tế khai thác có sự kiểm tra xác nhận của cơ quan kiểm lâm nhân dân.

Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh thuộc ngành y tế, nội thương, ngoại thương được Nhà nước cho phép thu mua tại rừng các lâm sản, đặc sản rừng, phải nộp tiền nuôi rừng cho cơ quan kiểm lâm nhân dân tại địa phương có rừng trước khi vận chuyển lâm sản, đặc sản rừng ra khỏi nơi thu mua.

5. Mỗi loại lâm sản, đặc sản rừng chỉ nộp tiền nuôi rừng một lần. Khi thu tiền nuôi rừng, cơ quan kiểm lâm nhân dân phải cấp biên lai cho người nộp theo đúng chế độ quy định.

6. Các loại biên lai thu tiền nuôi rừng đều do cơ quan tài chính Nhà nước ấn hành và được quản lý theo nguyên tắc quản lý ấn chỉ thu thuế, quy định tại Thông tư số 15-ST/KT ngày 2-1-1958 của Sở thuế Trung ương. Các đơn vị nhận biên lai thu tiền nuôi rừng về dùng phải đăng ký với cơ quan tài chính cùng cấp. Hàng quý, năm các đơn vị này phải tổng hợp báo cáo quyết

toán với cơ quan, cấp phát về số biên lai đã sử dụng và phải lưu trữ theo chế độ lưu trữ hiện hành.

7. Về thời gian và thủ tục nộp tiền nuôi rừng vào ngân sách Nhà nước:

a. Đối với tổ chức kiểm lâm nhân dân cứ mười (10) ngày một lần (ngày 1, ngày 11, ngày 31 trong tháng) phải:

- Lập bảng kê và nộp hết số tiền nuôi rừng đã thu được trong kỳ vào ngân sách địa phương tại Ngân hàng gần nhất.

- Mỗi tháng một lần vào ngày cuối tháng các hạt (trạm kiểm lâm nhân dân lập bảng kê tổng hợp số tiền nuôi rừng đã nộp trong tháng gửi cho Sở tài chính và Sở lâm nghiệp để báo cáo.

b. Đối với các Liên hiệp lâm công nghiệp, các lâm trường quốc doanh mỗi tháng nộp tiền nuôi rừng hai (2) lần, lần đầu từ ngày 1 đến ngày 5 nộp từ 40 đến 50% nhiệm vụ kế hoạch tháng; lần hai từ ngày 15 đến ngày 20 trong tháng, nộp số phần trăm còn lại và được thanh toán theo thực tế vào 5 ngày đầu tháng sau.

8. Các cơ quan tài chính (Sở tài chính, chi cục hoặc phòng thu quốc doanh và quản lý tài chính xí nghiệp Trung ương) và Sở lâm nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, giám đốc các liên hiệp lâm công nghiệp, các lâm trường quốc doanh, các hạt (trạm) kiểm lâm nhân dân thu và nộp tiền nuôi rừng đúng, đủ, kịp thời theo chế độ quy định.

B. SỬ DỤNG TIỀN NUÔI RỪNG

Tiền nuôi rừng được sử dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây gây rừng, tu bổ, cải tạo, quản lý bảo vệ rừng, cụ thể:

1. Đầu tư xây dựng cơ bản: Chi cho việc lập luận chứng kinh tế kỹ thuật các lâm trường, trồng rừng, chăm sóc, tỉa thưa rừng, tạo rừng giống, tu bổ rừng tự nhiên; xây dựng vườn ươm, làm đường, xây dựng kho tàng, nhà cửa... để phục vụ trực tiếp cho công tác lâm sinh; góp vốn và hỗ trợ hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã được giao đất, giao rừng trong các vùng đã được quy hoạch trồng rừng tập trung nhằm cung cấp nguyên liệu cho Nhà nước; trồng rừng tại các vùng định canh định cư, các vùng kinh tế mới.

2. Chi sự nghiệp quản lý bảo vệ rừng:

- Chi cho công tác điều chế rừng bao gồm công tác lâm sinh trước và sau khai thác.